

Số: /SCT-VP₅
V/v công khai thực hiện thu chi
NSNN 9 tháng đầu năm 2023

Hà Tĩnh, ngày tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được Ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017.

Sở Công Thương đã đôn đốc, hướng dẫn thực hiện công khai sử dụng ngân sách nhà nước tại đơn vị trực thuộc; tổng hợp, công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 tại Sở Công Thương.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn).

Sở Công Thương gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, P. Giám đốc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP₅.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Quảng

Phụ lục
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số: /SCT-VP₅ ngày /10/2023 của Sở Công Thương)

A PHẦN SỐ LIỆU

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 9 tháng đầu năm 2022 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu	1.200	323,000	26,92	34,24
1	Thu lệ phí				
2	Thu phí	200,00	271,700	135,85	219,48
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	56,0	67,2	120,00	165,52
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	151,3	151,30	282,33
2.3	Phí thẩm định cấp GP hoạt động điện lực	4,8	7,6	158,33	140,74
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	10,5	8	76,19	110,34
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	25,5	31,2	122,35	211,53
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	3,2	2,4	75,00	
2.7	Phí trong lĩnh vực dầu khí LPG		1,8	180,00	
2.8	Phí thẩm định cấp phép SX rượu		2,2	220,00	100,00
3	Số thu sự nghiệp	1.000	51,3	5,1	6,25
3.1	Thu từ hoạt động tư vấn, giám sát công trình điện	850	23,8	2,80	0,36
3.2	Thu từ đào tạo, tập huấn các lớp kinh doanh xăng dầu, khí ga hóa lỏng, vật liệu nổ CN	150	27,5	18,33	16,27
II	Chi từ nguồn thu được để lại	748,03	98,20	13,13	522,34
1	Chi sự nghiệp kinh tế	593	39,3	6,62	5,90
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	593	39,3	6,62	5,90
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	155,03	58,9	37,99	313,30
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	155,03	58,9	37,99	313,30

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 9 tháng đầu năm 2022 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số nộp ngân sách nhà nước	44,97	57,890	128,73	352,19
1	Lệ phí				
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	28,0	33,6	120,00	165,52
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	10	15,13	151,30	282,28
2.3	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực	0,5	0,76	152,00	140,74
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ CN	1,1	0,8	76,19	110,34
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	5,1	6,24	122,35	211,53
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	0,3	0,24	75,00	
2.7	Phí trong lĩnh vực dầu khí LPG	0,0	0,9	100,00	
2.8	Phí thẩm định cấp phép SX rượu	0,0	0,22	100,00	100,00
3	Sự nghiệp			-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.660,0	8.294,40	52,97	110,90
1	Chi quản lý hành chính	6.776,0	4.530,54	66,86	99,37
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.204	4.321,00	69,65	102,84
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	572,0	209,54	36,63	58,58
2	Chi sự nghiệp GD, đào tạo và dạy nghề	27	25,46	94,30	225
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27	25,46	94,30	225,1
3	Chi hoạt động kinh tế	8.857	3.738,4	42,21	128,53
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.655	1.285,0	77,64	106,02
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.202	2.453,4	34,07	144,60

B PHẦN THUYẾT MINH

1 Phần thu

1.1 Thu phí, lệ phí

Tổng số thu 271.700.000 đồng đạt 135,85% kế hoạch được giao trong năm; vượt 219,48% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nộp ngân sách nhà nước 57.890.000 đồng đạt 128,73% so với kế hoạch giao đầu năm; vượt 352,19 so với cùng kỳ năm trước.

1.2 Thu sự nghiệp

Tổng số thu 51,3 triệu đồng đạt 5,1% so với kế hoạch được giao, đạt 6,25% so với cùng kỳ năm trước.

2 Phần chi ngân sách

2.1 Chi thực hiện quản lý nhà nước 4.321.053.236 đồng đạt 69,65% Kế hoạch được giao, vượt 102,84% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương: 3.501.308.000 đồng.

Chi phúc lợi tập thể: 318.225.000 đồng.

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm: 277.308.836 đồng.

Chi công tác phí, thuê mướn, sửa chữa: 108.970.000 đồng.

Chi nghiệp vụ chuyên môn, các khoản chi khác: 115.241.400 đồng.

Chi thực hiện quản lý nhà nước kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 209.546.000 đồng, đạt 36.63% kế hoạch giao, vượt 58.69 so với cùng kỳ

2.2 năm trước

Chi thanh toán dịch vụ công cộng, công tác phí, chi thuê mướn: 85.280.000 đồng;

Chi sửa chữa và mua sắm tài sản: 124.266.000 đồng

Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 25.460.000 đồng đạt 94.3% kế hoạch được giao, vượt 225% so với cùng kỳ năm trước

2.4 Chi hoạt động kinh tế

Chi sự nghiệp Văn phòng sở: 1.096.390.200 đồng đạt 30.98 % so với kế

2.4.1 hoạch, thực hiện đạt 64.13% so với cùng kỳ năm trước

Chi sự nghiệp công nghiệp: 603.703.200 đồng.

Chi sự nghiệp thương mại: 492.687.000 đồng.

2.4.2 Chi sự nghiệp Trung tâm

Tổng chi lương và các khoản chi thường xuyên: 2.641.897.000 đồng đạt 49.7% kế hoạch giao, đạt 117.88 so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 1.031.219.000 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm: 51.504.000 đồng

Chi công tác phí, thuê mướn, mua sắm, sửa chữa: 105.094.000 đồng

Chi các khoản khác: 73.583.000 đồng

Chi chế độ tinh giản biên chế: 210.578.000 đồng

Chi sự nghiệp thương mại: 819.201.000 đồng

Chi thực hiện chương trình tiết kiệm năng lượng: 270.200.000 đồng

Chi kinh phí khuyến công địa phương: 80.500.000 đồng.